

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THANH HÓA
TỈNH THANH HÓA**

Bản án số: 41/2023/DS-ST

Ngày: 21/9/2023.

V/v: Kiện đòi tài sản

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HOÁ - TỈNH THANH HOÁ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Thị Thu Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hạnh;

Ông Lê Cát Tường.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện VKSND thành phố Thanh Hoá tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Thanh H - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân Thành phố Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 145/2023/TLST- DS ngày 06 tháng 6 năm 2023 về “Kiện đòi tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 179/2023/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hồ Thị H1, sinh năm 1983.

Địa chỉ: F C, phường B, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Phố C, phường Q, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt chị H1, vắng mặt chị N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 16/5/2023, bản tự khai, ý kiến trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày:

Do mối quan hệ bạn bè thân thiết nên ngày 21/3/2022, chị H1 đã chuyển cho chị Nguyễn Thị N số tiền 137.500.000 đồng (một trăm ba mươi bảy triệu năm trăm ngàn đồng) theo số tài khoản 104869376474 của chị N tại Ngân hàng TMCP C để chung tiền mua thửa đất 754, tờ bản đồ số 01, địa chỉ thửa đất tại thôn G, phường Q, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa. Giữa chị và chị N chỉ thỏa thuận bằng miệng với nhau về việc góp tiền mua chung đất. Sau khi chuyển tiền ba tháng chị H1 có hỏi thì chị N trả lời vẫn chưa mua được thửa đất nêu trên và hứa sẽ trả lại cho chị H1

số tiền chị H1 đã chuyển cho chị N (mỗi tháng 50 triệu). Đến ngày 21/7/2022, chị N đã trả cho chị H1 28.000.000 đồng. Các tháng tiếp theo mặc dù chị H1 đã nhắc nhở rất nhiều lần nhưng chị N vẫn không trả cho chị số tiền còn lại. Tại đơn khởi kiện chị yêu cầu Tòa án buộc chị Nguyễn Thị N phải trả cho chị số tiền gốc là 109.500.000 đồng chị đã giao cho chị N ngày 21/3/2022 và số tiền lãi tính theo lãi suất của Ngân hàng N1 cho đến khi Tòa án có quyết định. Số tiền lãi tạm tính từ ngày 21/3/2022 đến ngày 21/3/2023 là 7.884.000 đồng.

Tuy nhiên tại buổi hòa giải ngày 20/7/2023, chị H1 rút yêu cầu khởi kiện về phần lãi và chỉ yêu cầu Tòa án buộc chị N phải trả cho chị toàn bộ số tiền gốc chị N còn nợ chị là 109.500.000 đồng.

- Tại bản tự khai ngày 12/7/2023, quá trình giải quyết vụ án bị đơn là chị Nguyễn Thị N trình bày:

Do quan có hệ bạn bè với chị Hồ Thị H1, biết thời điểm đầu năm 2002 vợ chồng chị có tham gia kinh doanh bất động sản nên chị H1 có đặt vấn đề muốn chung tiền với chị để tham gia mua đất sau đó bán kiếm lời nên chị đã đồng ý. Đến ngày 21/3/2022, chị Hồ Thị H1 có chuyển vào tài khoản của chị số tiền 137.500.000 đồng (một trăm ba mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng) tại số tài khoản 104869376474 của Ngân hàng V để mua lô đất tại thửa đất số BĐ353312, địa chỉ: phường Q, thành phố T (thửa đất số 340, tờ bản đồ số 2). Hiện nay hợp đồng mua bán thửa đất nêu trên đang đứng tên chị. Tuy nhiên sau đó chị H1 thay đổi ý định không muốn chung tiền mua đất cùng chị nữa và yêu cầu chị phải trả lại số tiền chị H1 đã góp. Ngày 21/7/2022, chị đã hoàn trả cho chị H1 số tiền 28.000.000 đồng. Số tiền còn lại 109.500.000 đồng do chị chưa bán được thửa đất nêu trên nên chị chưa có tiền để trả lại cho chị H1. Nay chị H1 khởi kiện yêu cầu chị phải trả cho chị H1 số tiền gốc 109.500.000 đồng và số tiền lãi tính từ ngày 21/3/2022 cho đến khi chị trả hết số tiền gốc thì chị không đồng ý với yêu cầu trả lãi của chị H1. Chị thống nhất còn nợ chị H1 số tiền gốc 109.500.000 đồng và đồng ý trả cho chị H1 số tiền gốc này nhưng do thời điểm hiện nay chị đang gặp khó khăn, chưa bán được thửa đất tại phường Q nên chưa có tiền trả cho chị H1. Nếu thời điểm tới chị bán được thửa đất tại phường Q và có tiền thì chị sẽ trả hết số tiền gốc cho chị H1. Hoặc chị H1 để cho chị được trả dần số tiền gốc cho chị H1 mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi trả hết nợ gốc. Nếu chị H1 không đồng ý thì chị đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi tính theo lãi suất của Ngân hàng N1 cho đến khi Tòa án có quyết định.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:**

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Về xác định thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp, việc thu thập chứng cứ, về thời hạn chuẩn bị xét xử, việc tổng đạt các văn bản tố tụng đã được thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa: đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng:

Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn: đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, Tòa án căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để tiếp tục xét xử là đúng quy định của pháp luật.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 166 Bộ luật Dân sự để đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện số tiền lãi tính theo lãi suất của Ngân hàng N1 cho đến khi Tòa án có quyết định của nguyên đơn; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền gốc, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 109.500.000 đồng.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc “Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán”, Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa đã thụ lý vụ án. Tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án, căn cứ vào quy định của pháp luật thì Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Kiện đòi tài sản” được quy định tại khoản 2 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự; nơi bị đơn cư trú tại thành phố T, tỉnh Thanh Hóa nên Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa thụ lý, giải quyết vụ án là đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về áp dụng pháp luật: Chị Hồ Thị H1 và chị Nguyễn Thị N thực hiện giao dịch về tài sản từ năm 2022 là thời điểm Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực nên Hội đồng xét xử áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án.

[3]. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi tính theo lãi suất của Ngân hàng N1 cho đến khi Tòa án có quyết định, số tiền lãi tạm tính từ ngày 21/3/2022 đến ngày 21/3/2023 là 7.884.000 đồng. Xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự nên có cơ sở để chấp nhận.

[4]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: yêu cầu Tòa án buộc chị Nguyễn Thị N phải trả cho nguyên đơn số tiền gốc là 109.500.000 đồng mà nguyên đơn đã giao cho chị N ngày 21/3/2022.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Nguyên đơn và bị đơn đều xác nhận ngày 21/3/2022, nguyên đơn là chị H1 có chuyển vào tài khoản của bị đơn là chị N số tiền 137.500.000 đồng, tại số tài khoản 104869376474 của Ngân hàng V để mua chung đất. Sau khi xảy ra tranh chấp, đến ngày 21/7/2022, chị N đã trả lại cho chị H1 28.000.000 đồng. Đến nay chị N còn nợ chị H1 số tiền 109.500.000 đồng.

Khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: *“Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”*. Như vậy việc chị N còn nợ chị H1 số tiền 109.500.000 đồng là có thật.

Hai bên khai không thống nhất về mục đích chị H1 chuyển tiền để mua chung thửa đất nào với chị N. Chị H1 cho rằng chị chuyển tiền cho chị N để mua chung thửa đất 754, tờ bản đồ số 01, địa chỉ thửa đất tại thôn G, phường Q, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa. Còn chị N cho rằng chị H1 chuyển tiền cho chị để mua chung với chị mua thửa đất số 340, tờ bản đồ số 2, tại lô đất số BĐ353312 ở phường Q, thành phố T. Ngoài lời khai của hai bên không có tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh. Như vậy sau khi nhận tiền của chị H1 thì hai bên xảy ra tranh chấp, nguyên đơn nhiều lần yêu cầu bị đơn trả số nợ còn lại cho nguyên đơn nhưng bị đơn không trả. Nay chị H1 cũng xác định còn nợ lại chị N số tiền 109.500.000 đồng và đồng ý trả cho chị H1 số tiền này nhưng hiện nay chị đang khó khăn về kinh tế nên chị đề nghị chị H1 cho chị được trả mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi trả hết nợ nhưng chị H1 không đồng ý. Theo quy định tại Điều 166, 280, 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì chủ sở hữu có quyền yêu cầu người chiếm hữu phải trả lại tài sản đó cho mình vì vậy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên

đơn buộc bị đơn phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền 109.500.000 đồng.

Do hai bên không thỏa thuận về lãi suất phát sinh do chậm trả tiền nên trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

[5]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về nội dung giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26; điểm b tiểu mục 1.3 mục 1 phần II Mục A Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp; bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 147, Điều 271, Điều 273, Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 166, 280, 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Khoản 2 Điều 26; điểm b tiểu mục 1.3 mục 1 phần II Mục A Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện về số tiền lãi tính theo lãi suất của Ngân hàng N1 cho đến khi Tòa án có quyết định của nguyên đơn.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Hồ Thị H1:

Buộc chị Nguyễn Thị N phải trả cho chị Hồ Thị H1 số tiền 109.500.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành án thì hàng tháng bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí:

Chị Nguyễn Thị N phải chịu 5.475.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Hồ Thị H1 không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 2.934.000 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Thanh Hóa

theo biên lai thu tiền số AA/2021/0003072 ngày 02/6/2023.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa
- VKSND tỉnh Thanh Hóa
- VKSND TP Thanh Hóa;
- Chi cục THADS TP Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thu Phương

